

CHƯƠNG 1. ÂM THANH VÀ LỐI GHI NHẠC

1.1. Âm thanh

1.1.1. Cơ sở vật lý của âm thanh.

Khái niệm:

Âm nhạc là nghệ thuật dùng âm thanh và nhịp điệu để diễn tả tư tưởng và tình cảm của con người. Từ khái niệm trên cho thấy tất cả những gì có tính nhạc đều xuất phát từ âm thanh, nhưng ngược lại, cũng có rất nhiều âm thanh không có tính nhạc. Vì vậy, giữa âm thanh có tính nhạc và âm thanh không có tính nhạc là khác nhau.

Âm thanh là một hiện tượng vật lý đồng thời nó còn là một cảm giác. Âm thanh được tạo ra bởi sự dao động của một vật thể đàn hồi nào đó. Khi vật thể đàn hồi dao động đã tạo ra những sóng âm. Những sóng âm này lan truyền trong không gian đến tai người làm cho màng nhĩ cũng dao động cùng với tần số của sóng đó. Từ màng nhĩ những sóng âm này truyền qua hệ thần kinh của bộ não tạo nên cảm giác về âm thanh.

Phân biệt âm thanh có tính nhạc và âm thanh không có tính nhạc:

Âm thanh có tính nhạc là sự rung của sóng âm một cách đều đặn. Khi nghe sóng âm đều đặn, tai chúng ta phát hiện được tần số và nhận biết được **cao độ** của âm thanh. Chẳng hạn như tiếng hát, tiếng đàn, tiếng sáo... Những âm thanh này gọi là những **âm có cao độ rõ ràng** hay còn gọi là **những âm thanh có tính nhạc (âm nhạc)**.

Âm thanh không có tính nhạc là sự hỗn độn của tần số dao động, nó không theo một trật tự đều đặn. Tai chúng ta vẫn nhận biết được các âm thanh này nhưng không có tần số nào ổn định để có thể phân biệt được cao độ. Chẳng hạn như những âm không có tần số nhất định như tiếng máy nổ, tiếng còi ô tô, tiếng sấm, tiếng gió thổi... gọi là những **âm thanh không có độ cao rõ ràng** hay còn gọi là **tiếng động**, là **tạp âm**.

1.1.2. Các thuộc tính của âm thanh có tính nhạc.

Chúng ta tiếp nhận một số lượng lớn các âm thanh khác nhau, nhưng không phải mọi âm thanh đều được dùng trong âm nhạc. Thính giác của ta phân biệt những âm thanh có tính nhạc và những âm thanh không có tính nhạc (có tính chất tiếng động).

Những âm thanh có tính chất tiếng động không có cao độ chính xác, thí dụ: tiếng rít, tiếng kẹt cửa ... và vì thế, trong tác phẩm của một số nhạc sĩ đầu thế kỷ XX trở về trước đã không sử dụng loại âm thanh này trong tác phẩm âm nhạc.

Âm thanh có tính nhạc được xác định bởi bốn thuộc tính là: độ cao (cao độ - tiếng Anh: pitch hay pitch level), độ dài (trường độ - tiếng Anh: duration), độ mạnh (cường độ - tiếng Anh: loudness hay strength of tone) và âm sắc (tiếng Anh: tone colour hay timbre). Trong bốn thuộc tính này, mặc dù độ dài không làm thay đổi tính chất vật lí của âm thanh, nhưng đứng trên quan điểm âm nhạc, nó lại có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Độ cao (còn gọi là cao độ) là độ cao hay thấp của âm thanh, phụ thuộc vào tần số dao động của vật thể rung. Dao động càng nhanh, âm thanh càng cao và ngược lại. Ví dụ: âm thấp nhất của đàn piano có tần số khoảng 30 Hz (30 lần dao động trong một giây. Hz là chữ viết tắt của Hertz là đơn vị của tần số); âm cao nhất có tần số khoảng 4000 Hz. [theo từ điển âm nhạc của Oxford năm 1979]. Tai người có khả năng phân biệt được những âm có độ cao khoảng từ 27.5Hz đến 4186Hz.

Độ dài (còn gọi là trường độ) là độ dài hay ngắn của âm thanh, phụ thuộc vào thời gian và qui mô dao động của vật thể - nguồn phát âm từ lúc bắt đầu vang lên. Tầm cỡ dao động lúc bắt đầu của âm thanh càng rộng thì thời gian tắt dần của nó càng dài.

Độ mạnh (còn gọi là cường độ) là độ vang to hay nhỏ của âm thanh, phụ thuộc vào sức mạnh những di chuyển dao động, tức là phụ thuộc vào tầm cỡ dao động của nguồn phát âm. Không gian trong đó diễn ra các dao động gọi là biên độ dao động. Biên độ dao động càng rộng âm thanh càng to và ngược lại. Đơn vị để đo cường độ âm thanh là Decibel (viết tắt là Db).

Âm sắc là khía cạnh chất lượng của âm thanh, là màu sắc của nó. Để xác định đặc điểm của âm sắc, người ta sử dụng những tính từ thuộc các lĩnh vực cảm giác khác nhau. Ta biết rằng mỗi nhạc cụ hoặc mỗi giọng đều có âm sắc riêng. Cùng một âm thanh có cao độ nhất định, nhưng do các loại nhạc cụ hay giọng hát khác nhau phát ra thì mỗi nhạc cụ hay mỗi giọng hát đó lại có một màu sắc riêng. Sự khác biệt của âm sắc tùy thuộc vào thành phần những âm cực bộ mà ở mỗi âm thanh đều có.

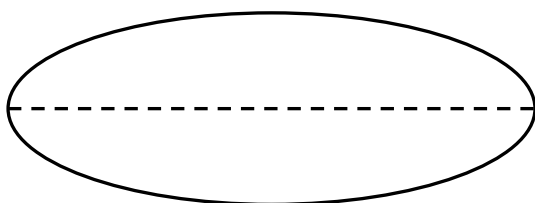
1.1.3. Bồi âm

Khi một sợi dây đàn dao động thì tự nó chia ra thành nhiều phần bằng nhau và cùng rung lên. Chẳng hạn khi dây đàn violon dao động, nó không chỉ rung toàn bộ sợi dây đàn mà còn dao động ở 1/2 dây, 1/3 dây, 1/4 dây, 1/5 dây... Trong quá trình dao động chung của toàn bộ dây đàn, những dao động ở từng phần cũng tạo ra những âm

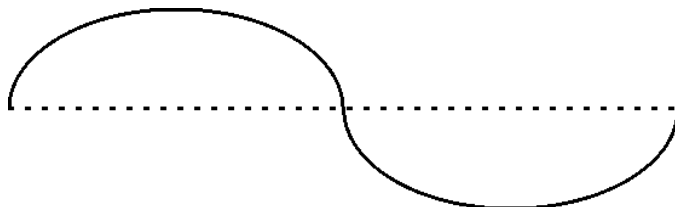
cục bộ. Những âm này có độ cao khác nhau vì dao động của các làn sóng tạo ra chúng có tốc độ khác nhau. Tuy nhiên tai người chỉ nghe được âm chính do dao động của toàn bộ dây đàn, còn những âm này không nhận thấy được và được gọi là **âm bồi**.

Ví dụ 1:

Nếu sợi dây chỉ phát ra một âm gốc duy nhất thì hình thái làn sóng của nó sẽ tương ứng với biểu đồ sau:



Sóng âm của 1/2 dây đàn (những làn sóng phân nửa nhanh gấp hai lần):



Sóng âm của 1/3 dây đàn (những làn sóng phân ba nhanh gấp ba lần):



1.1.4. Thang âm tự nhiên

Nếu lấy số lượng dao động của âm thứ nhất (âm gốc) của dây đàn làm đơn vị thì số lượng dao động của các âm cục bộ sẽ được biểu hiện bằng chuỗi số nguyên:

1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16...

Thang âm tự nhiên là thang âm gồm âm gốc và các âm bồi của nó.

Nếu lấy nốt Do ở quãng tám lớn làm âm gốc, ta có thang âm tự nhiên sau:

Ví dụ 2:



1.1.5. Hệ thống âm thanh, tên gọi, các quãng tám

Hệ thống âm thanh trong âm nhạc

Sự sắp xếp các âm của hệ thống âm thanh dựa theo độ cao gọi là hàng âm, mỗi âm thanh khác nhau là một bậc của hàng âm đó.

Hệ thống âm thanh trong âm nhạc là một thang âm đầy đủ gồm 88 âm khác nhau được sắp xếp theo cao độ của từng âm từ thấp đến cao. Dao động của các âm đó từ âm thấp nhất đến âm cao nhất nằm trong giới hạn từ 27.5 Hz đến 4186 Hz. Đó là những âm thanh có độ cao mà tai người có thể phân biệt.

Tên gọi các bậc cơ bản

Tên gọi các bậc cơ bản trong thang âm của hệ thống âm nhạc: Do, Re, Mi, Fa, Sol, La, Si.

Các bậc (âm hay nốt) cơ bản này tương ứng với các phím trắng của đàn Piano hay của các đàn phím nói chung: Bảy tên gọi của các bậc cơ bản được nhắc lại một cách chu kì trong thang âm và do đó chúng bao gồm âm thanh của tất cả các bậc cơ bản.

Sở dĩ như vậy vì mỗi âm thứ tám tính ngược lên (trong số những âm phát ra khi bấm các phím trắng) được tạo nên bởi sự tăng gấp đôi số lượng dao động so với âm thứ nhất. Cho nên nó tương ứng với bồi âm thứ hai của âm thứ nhất (âm gốc) vì vậy hoàn toàn quyện với âm đó.

Khoảng cách giữa các âm thanh của những bậc giống nhau gọi là quãng tám. Bộ phận của thang âm trong đó có 7 bậc âm cơ bản cũng gọi là quãng tám. Như vậy toàn bộ thang âm chia thành những tầng quãng tám. Âm thanh của bậc Do được coi là âm đầu của quãng tám. Toàn bộ thang âm gồm bảy quãng tám trọn vẹn và bốn âm hợp thành 2 quãng tám thiếu ở hai đầu hàng âm (ở hai đầu bàn phím piano). Tên gọi các quãng tám tính từ thấp lên cao như sau:

Quãng tám cực trầm (quãng tám thiếu)

Quãng tám trầm

Quãng tám lớn

Quãng tám nhỏ

Quãng tám 1

Quãng tám 2

Quãng tám 3

Quãng tám 5 (quãng tám thiếu)

[illegible]

1.2. Lối ghi nhạc (các ký hiệu âm nhạc).

La Si Do Re Mi Fa Sol

A B C D E F G

Trong tài liệu này để thống nhất cách ghi, chúng tôi sử dụng ký hiệu chữ B cho âm Si và chữ Bb cho âm Si giáng.

Để chỉ ký hiệu các âm trong các tầng quãng tám khác nhau, người ta thường ghi như sau:

Các nốt ở quãng tám cực trầm ký hiệu bằng chữ cái in hoa và ghi số 2 nhỏ hoặc 2 vạch nhỏ ở bên dưới: A2, B2, hoặc $\overset{A}{=}$; $\overset{B}{=}$...

Các nốt ở quãng tám trầm ký hiệu bằng chữ cái in hoa và ghi số 1 nhỏ ở hoặc 1 vạch nhỏ ở bên dưới: A1, B1, hoặc $\underline{A}$, $\underline{B}$...

Các nốt ở quãng tám lớn ký hiệu bằng chữ cái in hoa: C, D, E, F, ...

Các nốt ở quãng tám nhỏ ký hiệu bằng chữ cái thường: c, d, e, f,...

Các nốt ở quãng tám thứ nhất đến quãng tám thứ năm ký hiệu bằng chữ cái thường và chữ số hoặc bằng vạch ở bên trên tương ứng với tên gọi của quãng tám đó:

Nốt Do ở quãng tám thứ nhất ghi là: c1 hoặc $\overline{c}$

Nốt Do ở quãng tám thứ hai ghi là: c2 hoặc $\overline{\overline{c}}$

Nốt Do ở quãng tám thứ ba ghi là: c3 hoặc $\overline{\overline{\overline{c}}}$

Nốt Do ở quãng tám thứ tư ghi là: c4 hoặc $\overline{\overline{\overline{\overline{c}}}}$

Nốt Do ở quãng tám thứ năm ghi là: c5 hoặc $\overline{\overline{\overline{\overline{\overline{c}}}}}$

1.2.2. Ký hiệu âm bằng nốt nhạc.

1.2.2.1. Nốt nhạc

Để ký hiệu các bậc (âm) trong âm nhạc người ta dùng nốt nhạc. Nốt nhạc là một hình bầu dục đặc hoặc rỗng có đuôi hoặc không có đuôi. Hình bầu dục đặc hoặc rỗng để xác định trường độ của âm thanh

Ví dụ 3: 

Đuôi của nốt nhạc là một vạch thẳng đứng bám vào mép phải của hình bầu dục (đặc hoặc rỗng) nếu nốt nhạc có đuôi quay lên, bám vào mép trái của hình bầu dục (đặc hoặc rỗng) nếu nốt nhạc có đuôi quay xuống.

Nốt nhạc ở dòng 3 có thể viết đuôi quay lên hoặc quay xuống. Từ nốt nhạc dòng 3 đi lên, các nốt nhạc có đuôi quay xuống nằm bên trái nốt nhạc. Từ nốt nhạc dòng 3 đi xuống, các nốt nhạc có đuôi quay lên nằm bên phải nốt nhạc.

Ví dụ 4:



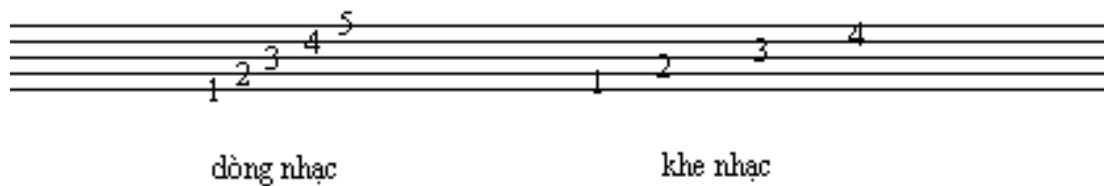
Ngoài ra còn có những nét móc ở đuôi nốt nhạc (bao giờ cũng đặt ở bên phải đuôi nốt nhạc) để phân nhỏ trường độ của nốt nhạc.



1.2.2.2. Khuông nhạc và các dòng kẻ phụ

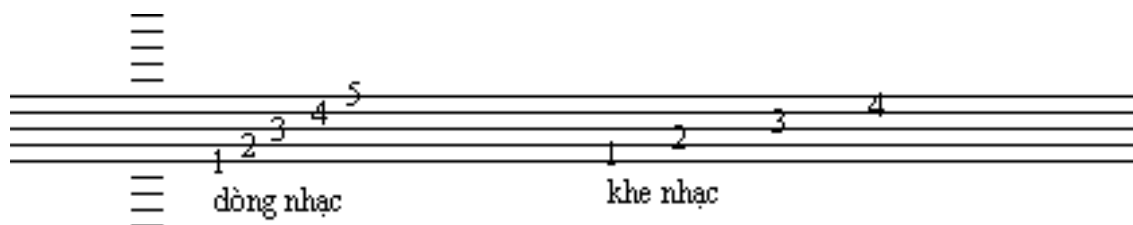
Khuông nhạc gồm có năm dòng kẻ song song cách đều nhau. Khoảng cách giữa hai dòng kẻ liền nhau được gọi là khe. Khuông nhạc gồm có 5 dòng kẻ và 4 khe được đánh số từ dưới lên. Các nốt nhạc có thể nằm ở dòng kẻ hoặc ở khe.

Ví dụ 6:



Để ghi cao độ, nằm ngoài 5 dòng kẻ chính, người ta còn dùng các dòng kẻ phụ. Dòng kẻ phụ là những đường kẻ ngắn được đặt ở trên hoặc ở dưới khuông nhạc. Dòng kẻ phụ để ghi các âm thanh cao hơn hoặc thấp hơn các âm thanh nằm trên khuông nhạc.

Ví dụ 7:



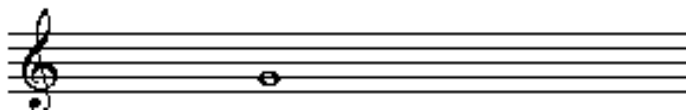
1.2.2.3. Khoá nhạc.

Khoá nhạc còn gọi là chìa nhạc hay chìa khoá nhạc. Đó là ký hiệu đặt ở đầu khuông nhạc để xác định tên những nốt nhạc trên khuông. Có 3 loại khoá thường dùng là khoá Sol, khoá Fa và khoá Do.

Khoá Sol

Khoá Sol có ký hiệu:

Ví dụ 8:



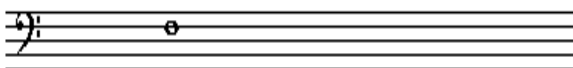
G1 (nốt Sol quãng tám thứ nhất)

Khoá Sol được bắt đầu từ dòng kẻ thứ hai của khuông nhạc. Khoá Sol xác định độ cao của nốt Sol ở tầng quãng tám thứ nhất nằm trên dòng kẻ thứ hai.

Khoá Fa

Khoá Fa có ký hiệu:

Ví dụ 9:



F (nốt Fa quãng tám nhỏ)

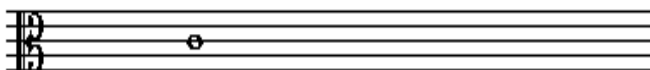
Khoá Fa được bắt đầu từ dòng kẻ thứ tư trên khuông nhạc. Khoá Fa xác định độ cao của nốt Fa ở tầng quãng tám nhỏ nằm trên dòng kẻ thứ tư.

Khoá Do

Có nhiều loại khoá Do. Hay dùng nhất là khoá Do Alto

Khoá Do Alto có ký hiệu:

Ví dụ 10:



C1 (nốt Do quãng tám thứ nhất)

Khoá Do Alto được bắt đầu từ dòng kẻ thứ ba trên khuông nhạc. Khoá Do Alto xác định độ cao của nốt Do ở tầng quãng tám thứ nhất nằm trên dòng kẻ thứ ba.

Ngoài ra còn có khoá Do Tenor cũng hay được dùng.

Ký hiệu khoá Do Tenor:

Ví dụ 11:



C1 (nốt Do quãng tám thứ nhất)

Khoá Do Tenor được bắt đầu từ dòng kẻ thứ tư trên khuông nhạc. Khoá Do Tenor xác định độ cao của nốt Do ở tầng quãng tám thứ nhất nằm trên dòng kẻ thứ tư.

1.2.3. Các ký hiệu ghi trường độ:

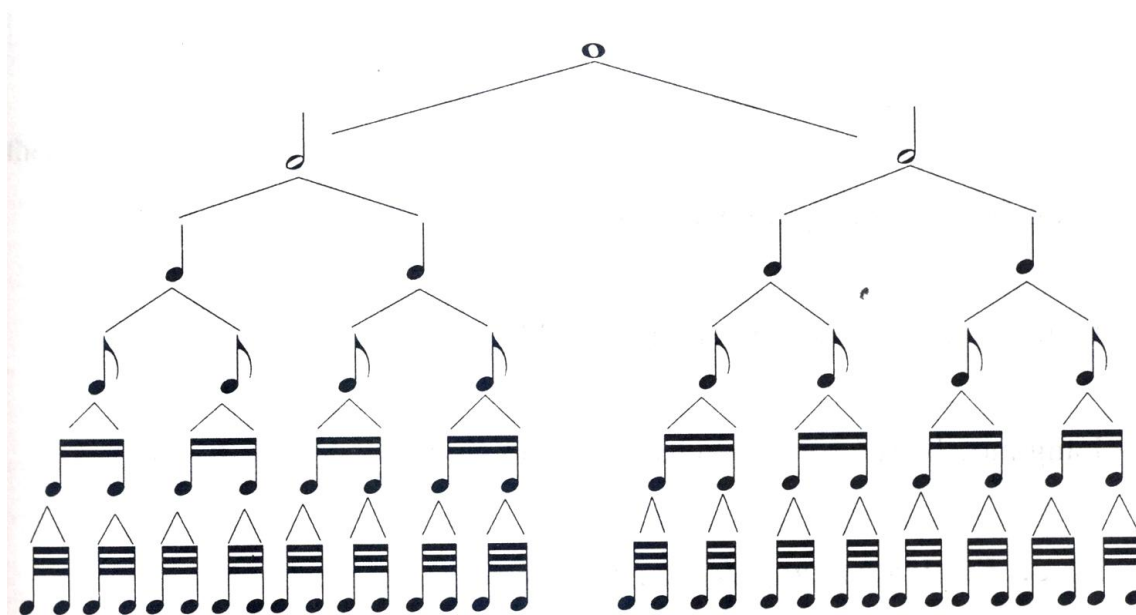
Để ghi trường độ của các âm thanh, người ta dùng các ký hiệu trường độ với các hình nốt nhạc như sau:

Nốt tròn	
Nốt trắng	
Nốt đen	
Nốt móc đơn	
Nốt móc kép	
Nốt móc tam	

Trên thực tế trong âm nhạc còn có các nốt với trường độ lớn hơn nốt tròn và nhỏ hơn nốt móc tứ (bốn), tuy nhiên đây là các trường hợp hiếm gặp.

Bảng tổng hợp biểu thị sự tương quan giữa trường độ các nốt nhạc như sau:

Ví dụ 12:



Với hai hay nhiều nốt có móc cùng độ dài đặt cạnh nhau, ta có thể dùng vạch ngang để nối đuôi chúng với nhau (gọi là vạch ngang trường độ).

Ví dụ 13:



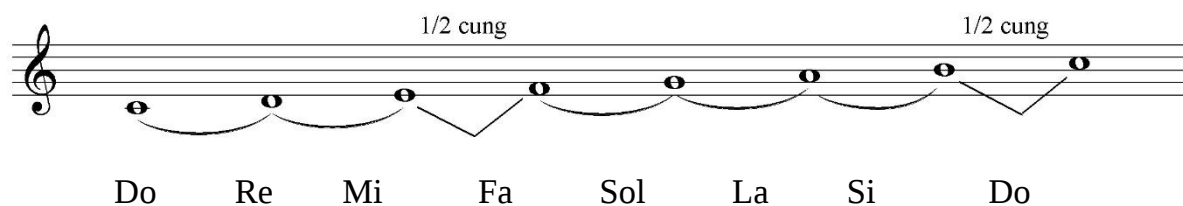
1.2.4. Luật âm, luật bình quân, một cung và nửa cung, các bậc chuyển hóa.

1.2.4.1. Hệ thống bình quân, một cung và nửa cung

Mối tương quan về độ cao tuyệt đối (được điều chỉnh chính xác) của các âm trong hệ thống âm nhạc gọi là luật âm hay hệ âm. Luật âm hiện nay lấy điểm xuất phát từ 440 dao động trong 1 giây của âm La ở tầng quãng tám thứ nhất.

Trong hệ thống âm hiện nay, mỗi quãng tám chia thành 12 phần bằng nhau, gọi là 12 nửa cung. Luật âm như vậy được gọi là luật bình quân (hay còn gọi là hệ âm điều hòa). Nó khác với thang âm tự nhiên ở chỗ các nửa cung trong quãng tám ở đây đều bằng nhau. Vì quãng tám được chia thành 12 nửa cung bằng nhau nên nửa cung là khoảng cách hẹp nhất giữa hai bậc của thang âm cơ bản. Khoảng cách do hai nửa cung tạo thành gọi là một cung (còn gọi là nguyên cung hay toàn cung).

Trong một quãng tám, giữa các bậc cơ bản được sắp xếp gồm có hai nửa cung và năm nguyên cung (ký hiệu nửa cung là: V, ký hiệu một cung là: $\smile$). Chúng được sắp xếp như sau:



1.2.4.2. Các bậc chuyển hoá - dấu hóa

Những nguyên cung được tạo nên giữa các bậc cơ bản chia thành các nửa cung. Những âm thanh chia các nguyên cung ấy thành nửa cung là âm thanh phát ra từ các phím đen trên piano. Như vậy quãng tám gồm 12 âm cách đều.

Mỗi bậc cơ bản của hàng âm có thể được nâng cao hoặc hạ thấp. Những âm tương ứng với các bậc nâng cao hoặc hạ thấp là những bậc chuyển hóa.

Sự nâng cao các bậc cơ bản lên nửa cung gọi là thăng (ký hiệu là #). Nếu nâng cao lên một cung gọi là thăng kép (Ký hiệu là x).

Sự hạ thấp các bậc cơ bản xuống nửa cung gọi là giáng (Ký hiệu là b). Nếu hạ thấp một cung gọi là giáng kép (ký hiệu là bb).

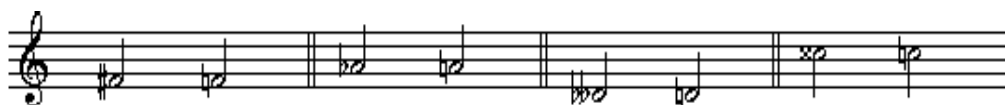
Ví dụ 14a:



Nếu một nốt nhạc đang thăng hay giáng ...muốn trở lại cao độ cơ bản người ta dùng dấu hoàn, còn gọi là dấu bình (Ký hiệu là $\natural$).

Nâng cao và hạ thấp các bậc cơ bản gọi là hóa âm.

Ví dụ 14b:



Các ký hiệu thăng, giáng, thăng kép, giáng kép, hoàn gọi là các dấu hoá.

- Dấu hoá đặt trước nốt nhạc gọi là dấu hoá bất thường.

Ví dụ 15:



- Dấu hoá đặt sau khoá nhạc gọi là dấu hoá cố định.

Ví dụ 16:



Trong hệ thống ký hiệu bằng chữ cái Latin, để kí hiệu các bậc chuyển hóa người ta thêm vào các chữ cái những vần: is - thăng, isis - thăng kép, es - giáng, eses - giáng kép.

Ví dụ 17: Do thăng = Cis; Fa thăng = Fis; Sol thăng kép = Gisis; Re thăng kép = Disis; Do giáng = Ces; Sol giáng kép = Geses;

Trường hợp ngoại lệ là bậc chuyển hóa si giáng vẫn giữ nguyên kí hiệu bằng chữ cái B,b. Khi gặp những nguyên âm a và e để tiện phát âm, người ta bỏ e trong vần es.

Ví dụ 18: Mi giáng = Es, La giáng = As, Mi giáng kép = Eses...

1.2.4.3. Trùng âm.

Như trên đã nói tất cả các nửa cung trong quãng tám đều bằng nhau. Do đó cùng một bậc chuyển hoá, nó có thể là âm nâng cao của bậc cơ bản ở dưới nó nửa cung hoặc có thể là âm hạ thấp của bậc cơ bản ở trên nó nửa cung.

Các bậc (âm) có cùng một độ cao nhưng khác nhau về tên gọi và kí hiệu gọi là trùng âm.

Trùng âm có thể xảy ra giữa một bậc cơ bản và một bậc chuyển hoá.

Ví dụ 19a: Disis = E; Fisis = Sol...



Trùng âm có thể xảy ra giữa hai bậc chuyển hoá.

Ví dụ 19b: Fis = Ges; Ais = Bb...



1.2.4.4. *Nửa cung và nguyên cung (1 cung) diatonic, *Nửa cung và nguyên cung chromatic.**

Nửa cung diatonic là nửa cung tạo nên giữa hai bậc cơ bản liền kề (hay giữa hai bậc cơ bản khác tên): E - F và B - C.

Ví dụ 20a:



Ngoài các nửa cung nói trên, có thể tạo ra các nửa cung diatonic giữa các bậc cơ bản với bậc chuyển hóa cao hoặc thấp kề bên hoặc giữa hai bậc chuyển hóa: Cis - D; F - Ges; Fisis – Gis; Eis – Fis

Ví dụ 20b:



Nguyên cung diatonic là nguyên cung được tạo nên giữa hai bậc kề nhau. Các bậc cơ bản tạo nên 5 khoảng nguyên cung C-D, D-E, F-G, G-A, A-B.

Ví dụ 20c:



Ngoài ra, nguyên cung diatonic có thể tạo nên giữa các bậc cơ bản và bậc chuyển hóa cũng như giữa hai bậc chuyển hóa.

Nửa cung chromatic được tạo ra giữa bậc cơ bản với bậc chuyển hoá cùng tên.

C - Cis; D - Des...

Ví dụ 20d:



Nửa cung chromatic còn được tạo ra giữa các dạng chuyển hoá cùng tên.

Cis – Cisis; Es – Eses...

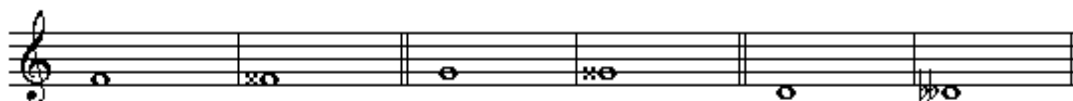
Ví dụ 20đ:



Nguyên cung chromatic là nguyên cung được tạo ra giữa 1 bậc cơ bản với sự thăng kép hoặc giáng kép của nó.

F - Fisis; G - Gisis; D - Deses...

Ví dụ 20e:



Nguyên cung chromatic còn là nguyên cung được tạo ra giữa hai bậc chuyển hóa của 1 bậc cơ bản (thăng và giáng của cùng một bậc cơ bản).

Ces - Cis; Ges - Gisis...

Ví dụ 20g:



Nguyên cung chromatic còn là một cung được tạo ra giữa hai bậc ở cách nhau qua 1 bậc.

Eis - G; A - Ces...

Ví dụ 20h:



1.2.5. Dấu lặng và dấu tăng trưởng độ:

1.2.5.1. Dấu lặng.

Là dấu nghỉ, chỉ sự ngưng nghỉ của âm thanh.

Bảng ghi các dấu lặng tương đương với trường độ:

Tròn () =

Trắng () =

Đen () =

Móc đơn () =

Móc kép () =

1.2.5.2. Các ký hiệu bổ sung để tăng trường độ

Dấu nối : là một hình vòng cung nối liền hai nốt nằm cạnh nhau có cùng cao độ.

Ký hiệu: 

Ví dụ 21:

HÀNH KHÚC

Nhạc Nga



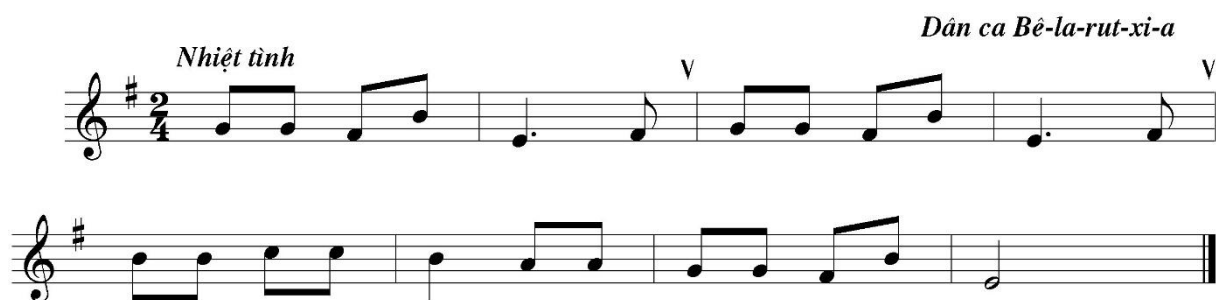
Dấu chấm đôi: là dấu chấm đặt ở bên phải của nốt nhạc. Dấu chấm đôi có tác dụng làm tăng thêm một nửa giá trị trường độ của chính nốt đó.

Ví dụ 22:

 = 

 =  v.v

Ví dụ 23:



Dấu chấm đôi và dấu chấm đôi kép còn được dùng với các dấu lặng.

Dấu miễn nhịp: là nửa vòng cung nhỏ có một chấm ở giữa (♪) đặt trên hoặc dưới nốt nhạc. Dấu này có tác dụng tăng trường độ của nốt nhạc một cách tự do tùy theo tính chất của tác phẩm hay của người biểu diễn.

Ví dụ 24:



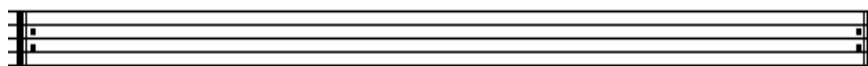
Dấu miễn nhịp còn có thể dùng để đặt ở trên hay dưới dấu lặng.

1.2.6. Dấu viết tắt và một số ký hiệu khác trên bản nhạc.

1.2.6.1. Dấu nhắc lại.

Dấu nhắc lại được dùng để nhắc lại một phần (có thể là một đoạn nhạc, một câu nhạc...) hoặc toàn bộ bản nhạc. Nó thường được ký hiệu bằng vạch nhịp đôi có 2 dấu chấm, được đặt ở đầu và cuối đoạn nhạc cần nhắc lại.

Ký hiệu:



Trường hợp đoạn nhạc ở lần nhắc lại sau có thay đổi so với lần trước, người ta dùng dấu ngoặc vuông và viết số 1 cho lần diễn đầu; khi nhắc lại lần 2 sẽ bỏ đoạn nhạc trong ngoặc vuông có số 1 để vào đoạn nhạc có ngoặc vuông viết số 2.

Ví dụ 25:

Xàc ha

Dân ca Thái (Tây Bắc)
Lời mới: Hoàng Lân

Nhanh - vui

Bùng boong bính boong Ngán nga tiếng công vang
vang. Theo tiếng chiêng reo vui rộn ràng. Theo tiếng khèn tiếng sáo vang
lùng. Tay nắm tay ta cùng xòe hoa Bùng... hoa.

Khi cần nhắc lại một hoặc vài ô nhịp nhiều lần, ta có thể dùng ký hiệu  đặt ở giữa ô nhịp cần nhắc lại:

Ví dụ 26a: cách ghi.

Ví dụ 26b: cách diễn.

1.2.6.2. Dấu dịch quãng tám.

Dấu dịch quãng tám được dùng để nâng lên hay hạ xuống một quãng tám cho bản ghi nhạc. Dấu này có tác dụng giúp cho người ghi nhạc tránh được cách viết phải sử dụng nhiều dòng kẻ phụ trên bản ghi nhạc.

Ví dụ 27a: Cách ghi.

Ví dụ 27b: cách diễn.

Ví dụ 27c: cách ghi.

Khi bản nhạc viết ở hình thức ba đoạn, trong đó có đoạn (hay phần) thứ ba nhắc lại nguyên xi đoạn thứ nhất, để tránh phải viết lại toàn bộ đoạn thứ nhất người ta viết ở dưới ô nhịp cuối của đoạn thứ nhất chữ Fine (nghĩa là: Hết) và dưới ô nhịp cuối đoạn thứ hai các chữ sau: Da capo al fine (viết tắt là: D.C. al Fine). Có nghĩa là: trình bày từ đầu cho đến chữ Fine.

Ví dụ 29: trích đoạn nhạc của W.A. Mozart.



Nếu không nhắc lại đoạn (hay phần) thứ ba ngay từ đầu thì trên ô nhịp được bắt đầu nhắc lại người ta ghi dấu  rồi viết vào cuối đoạn (hay phần) thứ hai các chữ: Dal segno al fine, có nghĩa là trình bày từ dấu Segno đến chữ Fine.

Khi cần kết thúc sớm hơn chỗ kết thúc của đoạn nhạc (hay phần nhạc) được nhắc lại thì viết là: Da capo segno poi coda, nghĩa là trình bày từ đầu đến dấu hồi rồi sau đó sang Coda.

Dấu Coda.

Dấu Coda chỉ sự kết thúc, thường được ký hiệu là: 

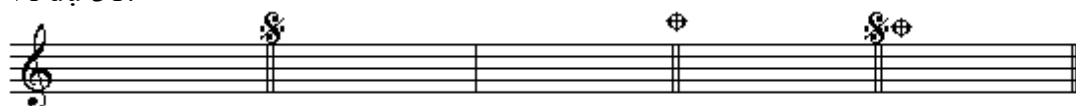
Dấu Coda thường được đặt ở cuối hoặc gần cuối tác phẩm để chỉ sự kết thúc tác phẩm.

Ví dụ 30: trích đoạn "Hò kéo pháo" của Hoàng Vân.



Trong nhiều trường hợp, dấu Coda còn đi kèm với dấu hồi để chỉ rõ sự trình bày tác phẩm.

Ví dụ 31:



(Trình bày tác phẩm từ đầu đến dấu segno thứ hai; sau đó, nhắc lại đoạn nhạc (hay phần nhạc) từ dấu segno thứ nhất đến coda thứ nhất; bỏ qua đoạn nhạc từ coda thứ nhất đến dấu segno thứ hai; vào luôn đoạn kết từ coda thứ hai cho đến hết tác phẩm).

1.2.6.4. Một số ký hiệu khác trên bản nhạc.

Dấu lắc (tremolo): chỉ sự chuyển đổi hai âm hoặc hai chông âm với tốc độ nhanh, đều và nhiều lần. Dấu lắc thường được ký hiệu bằng 2 vạch ngang giữa hai âm hay hai chông âm.

Ví dụ 32a:

Cách ghi

Cách diễn



Ví dụ 32b:

Cách ghi

Cách diễn

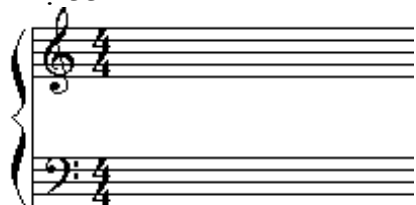


Dấu gộp.

Thường được gọi là dấu ắc-co-lat (accolade), ký hiệu bằng một dấu ngoặc đặt ở

phía đầu từ hai khuông nhạc trở lên. Các khuông nhạc được liên kết bằng dấu gộp có thể cùng dùng chung một loại khóa nhạc hay dùng các loại khóa nhạc khác nhau. Dấu gộp cho hai khuông nhạc thường sử dụng để viết cho tác phẩm piano. Ngoài ra, dấu gộp cho hai khuông nhạc còn được sử dụng khi viết cho hai nhạc cụ hay hai loại giọng.

Ví dụ 33:



1.2.7. Cách ghi nhạc hai bè, cách ghi nhạc cho một số loại tổp diễn.

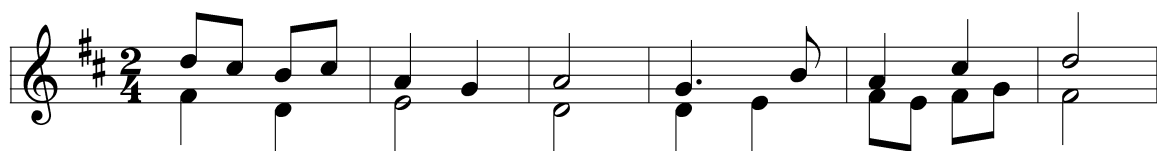
1.2.7.1. Cách ghi nhạc hai bè.

Người ta có thể ghi hai bè độc lập trên cùng một khuông nhạc. Để phân biệt từng bè, cách ghi như sau:

Với bè bên trên: các nốt nhạc có đuôi cùng hướng lên trên.

Với bè bên dưới: các nốt nhạc có đuôi cùng hướng xuống dưới.

Ví dụ 34:



- Người ta có thể ghi hai bè độc lập trên hai khuông nhạc (cùng khóa nhạc hoặc khác khóa nhạc) như cách ghi nhạc cho đàn piano.

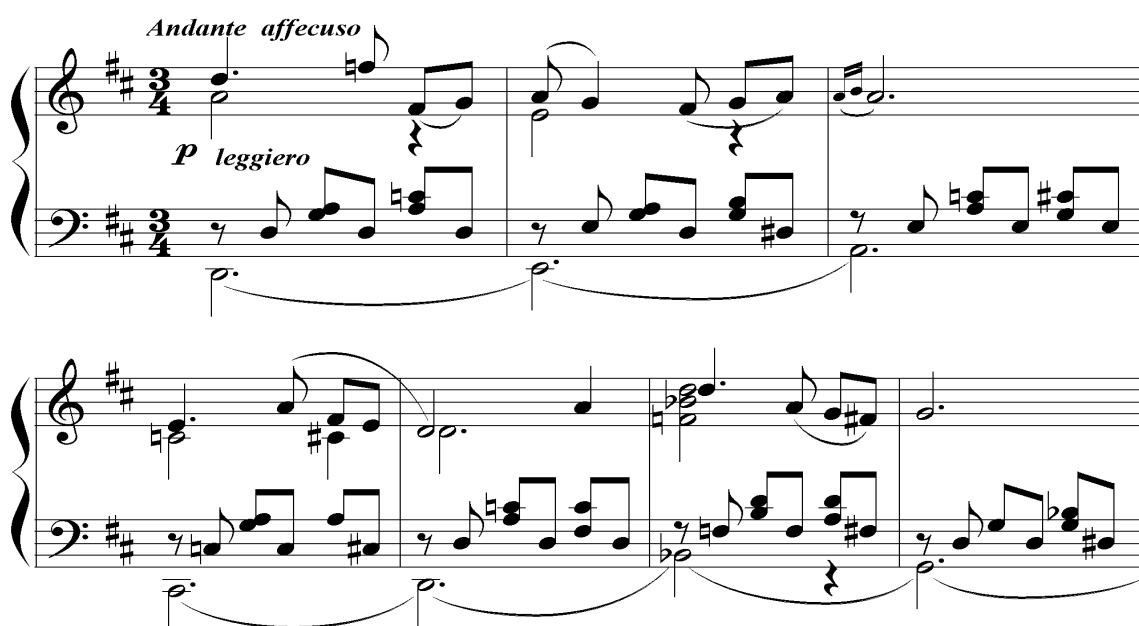
Ví dụ 35: "Nô đùa" cho piano của Nguyễn Văn Nam (trích đoạn)



Trong cách ghi nhạc cho piano, ta sẽ bắt gặp các chồng âm (từ 2 âm trở lên) được ghi chung một đuôi. Đồng thời, tác phẩm viết cho piano không chỉ có hai bè mà có thể

là từ một bè cho tới nhiều bè.

Ví dụ 36: "Niềm hy vọng" cho piano của La Thăng (đoạn trích)



1.2.7.2. Cách ghi nhạc cho một số loại tốp diễn.

Tốp diễn ở đây chỉ những hình thức diễn tấu của vài diễn viên (thường từ hai người trở lên) như: song tấu, tam tấu, tứ tấu, ngũ tấu...). khi số lượng diễn viên tương đối nhiều thì được gọi là ban nhạc, đội nhạc hay đoàn nhạc. Nếu các diễn viên hợp lại theo một nguyên tắc nhất định nào đó thì được gọi là dàn nhạc (đối với nhạc đàn) và dàn hợp xướng (đối với nhạc hát).

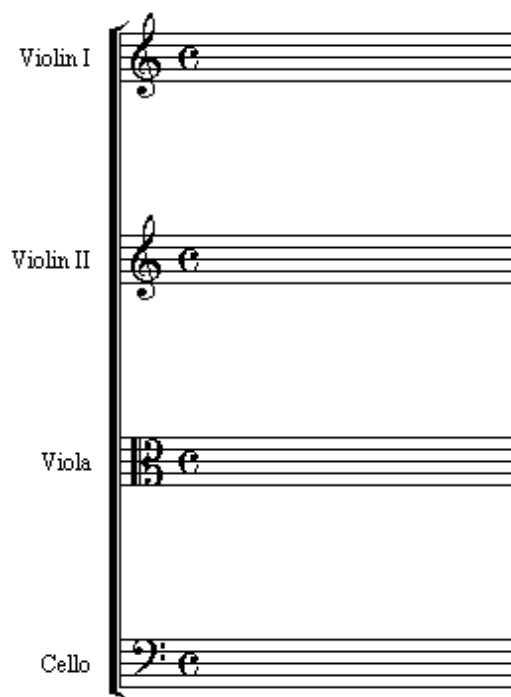
Cách ghi nhạc cho các loại giọng hát hay nhạc cụ độc tấu với phần đệm piano thường được ghi vào 3 khuông nhạc như sau:

Ví dụ 37: Sonatina cho violin và piano của Nguyễn Đức Toàn (trích chương 2)



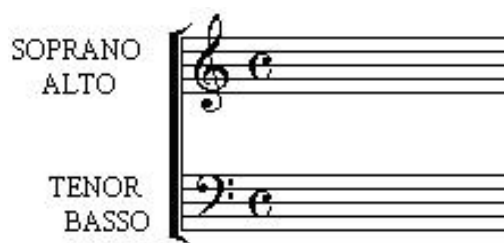
Cách ghi nhạc cho các loại tốp diễn là các nhạc cụ khác nhau và không có phần đệm của piano hay dàn nhạc thì dùng dấu gộp thẳng có móc ở hai đầu để liên kết các khuông nhạc.

Ví dụ 38: cách ghi nhạc cho tứ tấu đàn dây.



Cách ghi này cũng được sử dụng cho các loại nhạc cụ khác và cho hợp xướng 4 bè. Tuy nhiên, với hợp xướng 4 bè, thông thường người ta thường viết trên hai loại khóa: khóa Sol và khóa Fa. Bốn khuông nhạc cũng được liên kết bằng dấu gộp thẳng có móc ở hai đầu (tương tự như trên). Ngoài ra, hợp xướng 4 bè cũng có thể ghi trên hai khuông nhạc.

Ví dụ 39:



Câu hỏi và bài tập

a) Câu hỏi

- 1a1. Trình bày khái niệm về âm nhạc?
- 1a2. Âm thanh dùng trong âm nhạc có những thuộc tính nào?
- 1a3. Hệ thống âm thanh đầy đủ trong âm nhạc gồm bao nhiêu âm?
- 1a4. Kể tên các bậc cơ bản trong âm nhạc?
- 1a5. Các bậc cơ bản được ghi bằng những chữ cái nào?
- 1a6. Trình bày cấu tạo của khuông nhạc và các dòng kẻ phụ?
- 1a7. Giới thiệu những loại khoá thường dùng trong âm nhạc?
- 1a8. Tại sao các bài hát thường ghi bằng khoá Sol?
- 1a9. Khoá Fa dùng cho những nhạc cụ nào?
- 1a10. Trình bày khoảng cách về cao độ giữa các âm cơ bản?
- 1a11. Thế nào gọi là quãng tám?
- 1a12. Có bao nhiêu quãng 8 trong thang âm đầy đủ? Tên của các quãng tám?
- 1a13. Thế nào là hệ thống bình quân?
- 1a14. Kể tên các loại dấu hoá?
- 1a15. Hãy giải thích về hiệu lực của dấu hoá bất thường?
- 1a16. Hoá biểu là gì?
- 1a17. Thế nào là trùng âm? Nêu ví dụ?
- 1a18. Dấu lặng là gì? Nêu ví dụ?
- 1a19. Kể tên các loại dấu làm tăng trường độ?
- 1a20. Dấu chuyển quãng 8 có tác dụng gì?

b) Bài tập viết

- 1b1. Giải thích tóm tắt về chức năng, vai trò hoặc đặc điểm của một số kí hiệu sau.

Kí hiệu	Chức năng, vai trò hoặc đặc điểm
Dấu nối	
Dấu luyến	
Dấu chấm dôi	
Dấu thẳng	
Dấu giáng	
Dấu lặng	
Dấu nhắc lại	

Dấu hỏi

1b2. Viết trên khuông nhạc dùng khoá Sol các nốt từ Do1 đến Mi2, với trường độ là nốt đen.

1b3. Viết trên khuông nhạc dùng khoá Fa các nốt từ Sol quãng tám lớn đến Do1, với trường độ là nốt móc đơn.

1b4. Chuyển giai điệu sau thấp xuống quãng 8 và viết ở khoá Fa.



a) Câu hỏi

1a1. Trình bày khái niệm về âm nhạc?

Âm nhạc là nghệ thuật dùng âm thanh và nhịp điệu để diễn tả tư tưởng và tình cảm của con người.

1a2. Âm thanh dùng trong âm nhạc có những thuộc tính nào?

Âm thanh dùng trong âm nhạc có bốn thuộc tính là: cao độ, trường độ, cường độ và âm sắc.

1a3. Hệ thống âm thanh đầy đủ trong âm nhạc gồm bao nhiêu âm?

Gồm 88 âm.

1a4. Kể tên các bậc cơ bản trong âm nhạc?

Do, Re, Mi, Fa, Sol, La, Si.

1a5. Các bậc cơ bản được ghi bằng những chữ cái nào?

- Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 1.2.1.

1a6. Trình bày cấu tạo của khuông nhạc và các dòng kẻ phụ?

- Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 1.2.2.

1a7. Giới thiệu những loại khoá thường dùng trong âm nhạc?

- Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 1.2.2.

1a8. Tại sao các bài hát thường ghi bằng khoá Sol?

Các bài hát thường viết trên khuông nhạc dùng khoá Sol vì giọng hát con người phù hợp với cao độ ở khu vực này.

1a9. Khoá Fa dùng cho những nhạc cụ nào?

- Người học cần tự tìm hiểu để trả lời câu hỏi này.

1a10. Trình bày khoảng cách về cao độ giữa các âm cơ bản?

- Để trả lời câu hỏi này, cần đọc tài liệu ở mục 1.2.4.

1a11. Thế nào gọi là quãng tám?

- Để trả lời câu hỏi này, cần đọc tài liệu ở mục 1.1.5.

1a12. Có bao nhiêu quãng 8 trong thang âm đầy đủ? Tên của các quãng tám?

- Để trả lời câu hỏi này, cần đọc tài liệu ở mục 1.1.5.

1a13. Thế nào là hệ thống bình quân?

- Để trả lời câu hỏi này, cần đọc tài liệu ở mục 1.2.4.

1a14. Kể tên các loại dấu hoá?

Các kí hiệu thăng, giáng, thăng kép, giáng kép, hoàn gọi là các dấu hoá.

1a15. Hãy giải thích về hiệu lực của dấu hoá bất thường?

- Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 1.2.4.

1a16. Hoá biểu là gì?

Hoá biểu là một hoặc một số dấu hoá nằm cố định đầu khuông nhạc (bên phải khoá nhạc). Hoá biểu bao giờ cũng cùng loại hoặc là dấu thăng hoặc là dấu giáng, chúng xuất hiện theo một thứ tự nhất định và có hiệu lực trong suốt bản nhạc.

1a17. Thế nào là trùng âm? Nêu ví dụ?

- Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 1.2.4.

1a18. Dấu lặng là gì? Nêu ví dụ?

- Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 1.2.5.

1a19. Kể tên các loại dấu làm tăng trường độ?

Gồm có dấu nối, dấu chấm đôi và dấu miễn nhịp.

1a20. Dấu chuyển quãng 8 có tác dụng gì?

- Bạn cần tự tìm hiểu để trả lời câu hỏi này.

b) Bài tập viết

1b1. Giải thích tóm tắt về chức năng, vai trò hoặc đặc điểm của một số kí hiệu sau.

Kí hiệu

Chức năng, vai trò hoặc đặc điểm

Dấu nối Nối các nốt nhạc cùng độ cao, để kéo dài trường độ nốt nhạc.

Dấu luyến

Dấu chấm đôi

Dấu thăng

Dấu giáng

Dấu lặng

Dấu nhắc lại

Dấu hỏi

1b2. Viết trên khuông nhạc dùng khoá Sol các nốt từ Do1 đến Mi2, với trường độ là nốt đen.

- Để làm bài tập này, người học cần nắm được vị trí các nốt từ Do1 đến Mi2 trên khuông nhạc dùng khoá Sol.

- Lưu ý khi đuôi nốt nhạc quay lên, đuôi nốt chạm vào bên phải thân nốt. Khi đuôi nốt nhạc quay xuống, đuôi nốt chạm vào bên trái thân nốt.

1b3. Viết trên khuông nhạc dùng khoá Fa các nốt từ Sol quãng tám lớn đến Do1, với trường độ là nốt móc đơn.

- Để làm bài tập này, người học cần nắm được vị trí các nốt từ Sol quãng tám lớn đến Do1 trên khuông nhạc dùng khoá Fa.

- Lưu ý viết đúng đuôi và móc đơn.

Ban hãy tự thực hiện những bài tập tiếp theo.

c) Bài tập trên đàn

1c1 và 1c2.

- Mục tiêu của bài tập không phải để luyện kĩ thuật mà để người học hiểu về cách thể hiện cao độ và trường độ trong âm nhạc.

- Để thực hiện 2 bài tập này, người học cần đọc tên các nốt trên khuông nhạc.

- Đàn giai điệu từng chuỗi âm ngắn, thực hiện chậm kết hợp đọc tên nốt nhạc.

- Dù không nhằm luyện tập kĩ thuật nhưng cần bấm ngón tay hợp lí, người học có thể viết thứ tự ngón tay dưới các nốt nhạc.

- Đàn giai điệu cả nét nhạc.

- Tập giai điệu với tốc độ hơi nhanh.